

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

—————  
NGUYỄN XUÂN QUANG

**DÒI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ NHẪM PHÁT TRIỂN  
MẠNG LƯỚI THÔNG TIN ĐIỆN THOẠI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG  
TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG**

*Chuyên ngành : Tổ chức và quản lý sản xuất*

*Mã hiệu : 5.02.21*

**TÓM TẮT LUẬN ÁN  
PHÓ TIẾN SĨ KHOA HỌC KINH TẾ**

Hà nội - 1994

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

4288

*Công trình được hoàn thành tại*  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

**NHỮNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC :**

1. Đỗ Hoàng Toàn PGS.PTS Chủ nhiệm bộ môn Khoa học quản lý,  
Đại học Kinh tế Quốc dân
2. Nguyễn Văn Thắng PTS. Phó Chủ nhiệm khoa Quản lý kinh tế  
Đại học Kiến trúc Hà nội

**Người nhận xét thứ nhất :**

**Người nhận xét thứ hai :**

**Cơ quan nhận xét :**

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Nhà nước, họp tại trường  
Đại học Kinh tế Quốc dân vào hồi ngày tháng năm 1994

Có thể tìm hiểu luận án tại : - Thư viện Quốc gia  
- Thư viện Trường Đại học KTQD

## LỜI NÓI ĐẦU

====

Trong công cuộc đổi mới đất nước, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và VII, cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường tồn tại nhiều thành phần kinh tế, nhu cầu mở rộng mạng lưới thông tin điện thoại theo hướng số hoá, nhanh chóng xây dựng và cải tạo mạng lưới truyền dẫn, chuyển mạch, ngoại vi và các dịch vụ khai thác kinh doanh quản lý mạng và lắp đặt hoà đồng mạng các trung tâm nối kết và xử lý chuyển tiếp thông tin, tổ chức các hình thức dịch vụ theo hướng đa phương thức... ngày càng tăng. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên đòi hỏi Bưu điện các tỉnh, thành phải tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý một cách đồng bộ gồm các mặt sau : Kế toán - XDCB - LĐTL - ứng dụng khoa học kỹ thuật v.v nhằm nhanh chóng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Ngành. Đề tài luận án có tiêu đề : "**Đổi mới cơ chế quản lý nhằm phát triển mạng lưới thông tin điện thoại thành phố Hà nội theo hướng tiếp cận thị trường**" nhằm góp phần giải quyết tốt yêu cầu đặt ra trên. Đây là một vấn đề có ý nghĩa bức thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn đồng thời là một trong những nhiệm vụ quan trọng đang đặt ra cho các trung tâm Bưu điện của các tỉnh, thành phố trong cả nước.

### 1. Mục đích của luận án :

Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về tầm quan trọng của việc phát triển thông tin điện thoại trong cơ chế thị trường ở trong và ngoài nước. Từ đó nêu ra một số yêu cầu đòi hỏi đổi mới việc phát triển mạng lưới thông tin điện thoại theo hướng số hoá phục vụ cho sự nghiệp phát triển văn hoá, xã hội cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế trong giai đoạn tới. Trên cơ sở phân tích thực trạng của mạng lưới hiện có đề ra một số nhiệm vụ phải thực hiện trong những năm tới, đồng thời đưa ra mô hình quản lý hợp lý nhằm tạo được nguồn vốn thích hợp mở rộng khả năng phục vụ có hiệu quả của mạng lưới thông tin điện thoại thành phố.

### 2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :

Đề tài tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quản lý mạng lưới thông tin điện thoại ở trong và ngoài nước những năm gần đây để vận dụng vào bưu

điện thành phố Hà nội là nơi mà tác giả đang công tác nhằm góp phần đổi mới cơ chế quản lý mạng lưới thông tin điện thoại. Trên cơ sở đó, tìm giải pháp có thể để mở rộng mạng lưới thông tin trong thành phố theo hướng tiếp cận thị trường.

### 3. Phương pháp nghiên cứu :

Luận án xuất phát từ quan điểm , chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, các chủ trương lớn của Ngành, từ kinh nghiệm của các nước và thực trạng của Bưu điện thành phố và bản phương pháp tiếp cận hệ thống để phân tích , nghiên cứu, đề xuất phương thức giải quyết vấn đề đặt ra.

### 4. Những đóng góp mới của luận án

- Luận giải một cách có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về sự phát triển mạng lưới thông tin điện thoại ở các nước trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội ngày nay, đối chiếu với thực trạng cụ thể mạng lưới thông tin điện thoại của thành phố hiện nay để rút ra các kết luận sử lý,

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc đổi mới cơ chế quản lý mạng lưới thông tin điện thoại thành phố theo hướng tiếp cận thị trường

- Đề xuất mô hình đổi mới cơ chế quản lý mạng lưới thông tin điện thoại thích hợp trong giai đoạn tới nhằm thu hút với hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư để phát triển mạng lưới thông tin điện thoại thành phố

### 5. Kết cấu luận án :

- *Tên luận án* : **Đổi mới cơ chế quản lý nhằm phát triển mạng lưới thông tin điện thoại thành phố Hà nội theo hướng tiếp cận thị trường**

- *Cơ cấu luận án* :

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, luận án gồm 3 chương :

**Chương I** : Phát triển mạng lưới thông tin điện thoại thành phố là một yêu cầu khách quan và là nhiệm vụ chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Chương II : Mạng lưới thông tin điện thoại Hà nội giai đoạn vừa qua và xu thế biến động trong những năm tới (1995 - 2010)

Chương III : Phương hướng và giải pháp nhằm đẩy mạnh việc phát triển mạng lưới thông tin điện thoại thành phố Hà nội

\*\*\*\*\*

## NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LUẬN ÁN

Chương I :

### PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THÔNG TIN ĐIỆN THOẠI THÀNH PHỐ LÀ MỘT YÊU CẦU KHÁCH QUAN VÀ LÀ NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐẤT NƯỚC

*Trong chương này, luận án đề cập tới hai nội dung :*

#### I. Vai trò của mạng lưới thông tin điện thoại thành phố trong cơ chế thị trường

*1. Vai trò của mạng lưới thông tin điện thoại trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các nước.*

Thông tin viễn thông nói chung, điện thoại nói riêng là một Ngành sản xuất vật chất đặc biệt, thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm của nó là các dịch vụ thông tin, một trong những yếu tố có vị trí rất quyết định trong sự tồn tại và phát triển của xã hội ngày nay. nhất là đối với các thành phố - nơi tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, các cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ khác của toàn xã hội. Đặc biệt đối với thủ đô Hà nội là trung tâm văn hoá của cả nước là nơi tập trung các trường Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các Viện nghiên cứu là đầu mối giao lưu trong nước và giao dịch quốc tế; là Trung tâm du lịch và là nơi trao đổi hàng hoá giữa đô thị với đô thị, giữa thành phố với nông thôn, hình thành các thị trường lớn thì nhu cầu phát triển viễn thông và thông tin điện thoại ngày càng cấp thiết.

Quá trình hình thành và phát triển các thành phố và đô thị đồng thời cũng là quá trình hình thành và phát triển mạng lưới thông tin điện thoại. Điện thoại là công cụ truyền dẫn thông tin không thể thiếu của con người trong lịch sử hiện đại bởi những ưu việt của nó, được thể hiện dưới nhiều khía cạnh. Thử hỏi rằng, khi mọi người đã quen dùng điện thoại, nếu thiếu nó hay nó làm việc không tốt thì một cá nhân hay một doanh nghiệp sẽ hoạt động như thế nào.

Ngày nay điện thoại đã trở thành nhu cầu và phương tiện sống không thể thiếu của mọi quốc gia (nhất là ở các nước kinh tế phát triển). Mạng lưới viễn thông nói chung, điện thoại nói riêng nếu yếu kém sẽ hạn chế hiệu quả của các Ngành kinh tế xã hội khác.

Thực tiễn cho thấy, nếu chi phí trực tiếp đầu tư cho thông tin Bưu điện ngang bằng với các Ngành hạ tầng khác thì hiệu quả gián tiếp do nó mang lại sẽ lớn hơn nhiều so với các Ngành kia. Ở nhiều nước đã rút ra kết luận, nếu hiệu quả do đầu tư cho thông tin Bưu điện giành được trong đó nền kinh tế quốc dân chiếm 90 - 95 % thì Ngành Bưu điện chỉ hưởng 5 - 10% (sơ đồ 1). Có thể nói, mọi ngành sản xuất công nông nghiệp, thương nghiệp, trong và ngoài nước, các loại dịch vụ khi sử dụng công cụ thông tin bưu điện đã làm hạ giá thành, tăng khối lượng sản phẩm và năng xuất lao động. Người ta đã tính, cứ tăng 1 % mật độ điện thoại trên 100 đầu dân ở một nước, thì sẽ làm cho tổng thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở nước đó tăng lên 3 %. Chính vì thế mật độ số máy điện thoại trên 100 dân của mỗi nước được xem là một chỉ tiêu để đo lường mức độ tăng trưởng kinh tế nước đó ( bảng 1).

Bảng 1 : Số máy điện thoại tính trên 100 dân của một số nước 1988/1989

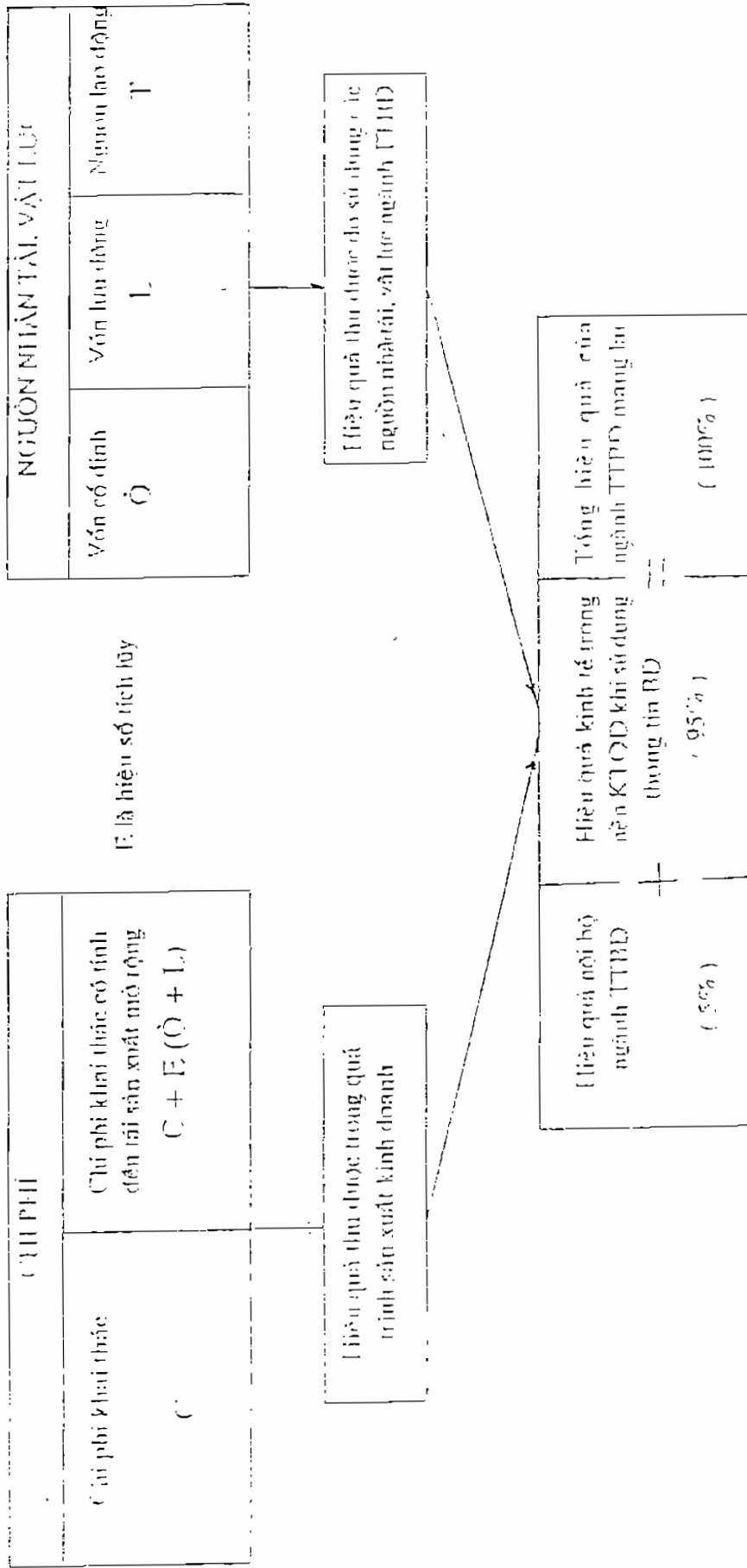
Số máy trên 100 dân	Nước
Trên 78,0	Thụy Sĩ (88,2), Đan Mạch (88,2), Thụy Điển (79,6), Mỹ (78,9), Canada (78,0)
55,0 - 77,9	Tân Tây Lan (71,7), Hà Lan (65,9), Phần lan (61,7), Pháp (50,8), Đức (53,5), Nhật (55,5), Úc (55,0)
46,0 - 54,9	Ao (54,3), Ý (50,9), Bỉ (49,9), Anh (47,7), Băng Đảo (47,7), Israen (46,9), Malta (47,7), Nauy (46,0)

Nguồn : Báo cáo về sự phát triển con người của UNDP 1992

Của Việt nam 1991 là 0,18

**Sơ đồ 1**

**QUAN HỆ VỀ MIÊU QUẢ CỦA NGÀNH TTBD**



Ở nước ta, mạng lưới điện thoại nói riêng, thông tin viễn thông nói chung là một bộ phận kết cấu hạ tầng không thể thiếu của mọi thành phố trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII đã nhấn mạnh "phải phát triển kết cấu hạ tầng, sớm khắc phục tình trạng xuống cấp, mở rộng và hiện đại hoá có trọng điểm... Tiếp tục hiện đại hoá mạng viễn thông quốc tế và trong nước; phủ sóng phát thanh và truyền hình khắp cả nước; phát triển ngành sản xuất thiết bị bưu điện"

Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng đã chỉ thị "Ngành Bưu điện phải có những bước phát triển nhanh chóng hơn nữa để góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, nâng cao dân trí, an ninh xã hội và trong chính sách mở cửa, ngành Bưu điện là một trong những ngành mũi nhọn phải thực sự đi trước một bước "

### 2. Thông tin bưu điện ngành quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng :

Thông tin bưu điện mang tính chất kết cấu hạ tầng cơ sở có những đặc thù riêng biệt sau :

- Là một khâu của quá trình sản xuất
- Là một chất xúc tác hiệu nghiệm của sản xuất
- Phải được đầu tư đi trước một bước với tỷ lệ hợp lý
- Hiệu quả thu nhận của riêng ngành thông tin bưu điện nhỏ hơn nhiều so với hiệu quả người sử dụng thu được
- Thông tin bưu điện là phúc lợi chung của xã hội

### 3. Đặc điểm của Ngành Bưu điện, luận án nêu rõ 4 đặc điểm vốn có của Ngành Bưu điện :

- Sản phẩm của thông tin Bưu điện không phải là vật thể mới, không phải là hàng hoá thông thường và đòi hỏi không có phế phẩm.
- Quá trình sản xuất và tiêu thụ của ngành thông tin bưu điện không tách rời nhau
- Quá trình đưa là quá trình từ hai phía đi về đây và về sản phẩm mang tính toàn Ngành.



- Tính không đồng đều của sản phẩm (không ổn định theo ngày giờ nhất định).

Trong cơ chế thị trường, thông tin bưu điện lại có thêm các đặc điểm mới đó là :

*a. Tính thương mại ngày một đậm nét.* Thông tin Bưu điện cũng trở thành một ngành kinh doanh thu lợi nhuận cao. Điều này có thể thấy rõ qua 25 tập đoàn kinh doanh viễn thông thế giới.

*b. Tính cạnh tranh của kinh doanh thông tin bưu điện ngày một gay gắt và mang tính quốc tế giữa các quốc gia.*

*c. Tính toàn cầu của Bưu chính viễn thông ngày một phát triển*

*d. Tính cập nhật công nghệ ngày một tăng.*

## II. Chất lượng và số lượng của mạng lưới thông tin bưu điện trong xu thế phát triển của khoa học và công nghệ

### *1. Sự phát triển thông tin bưu điện của một số nước trên thế giới*

Luan án trình bày tình hình phát triển viễn thông bưu điện của một số nước trên thế giới. (Hàn quốc, Phần Lan, Trung Quốc, Singapore, Pháp, Mỹ, Nhật Bản v.v...) để thấy rõ tốc độ phát triển nhanh chóng về viễn thông tin bưu điện của các nước này còn cùng thấy rõ việc đưa sử dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại của ngành Bưu điện đã trở thành một đặc điểm có tính đặc trưng và tất yếu của thế giới ngày nay. Qua đó thấy rõ khoảng cách giữa thông tin viễn thông của nước ta với các nước đó để có thêm quyết tâm phấn đấu phát triển nhanh chóng mạng viễn thông của đất nước.

*2. Mở rộng và nâng cao chất lượng mạng lưới thông tin điện thoại thành phố là một nhiệm vụ có tính chiến lược của bưu điện thành phố :* Mặc dù thời gian qua mạng lưới viễn thông của ta đã có những bước tiến nhảy vọt, nhưng vẫn còn rất thấp so với ngay các nước ở trong khu vực

Bảng 3 : Mật độ máy điện thoại trên 100 dân ở một số nước Đông nam Á 1991

Tên nước	Mật độ điện thoại /100 dân	GDP/đầu người (USD/người)
- Singapore	37,1	11.160
- Malaysia	8,0	2.320
- Thái Lan	2,1	1.420
- Philipin	1,05	730
- Ấn Độ	0,60	350
- Indonexia	0,50	570
- Việt nam	0,19	190

Nguồn : Đề án VIE/89/006 tr 9

Những năm gần đây, tốc độ phát triển số máy điện thoại ở Hà nội khá nhanh : Năm 1990 phát triển được 4.600 máy, năm 1991 phát triển 4.000 máy, năm 1992 phát triển 8000 máy (trong đó 2.414 máy tư nhân), năm 1993 phát triển 18.000 máy. Tuy vậy, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi vì dung lượng tổng đài chưa đủ, mạng cáp còn thiếu, còn đọng hàng nghìn đơn đặt máy điện thoại chưa đáp ứng kịp. Hơn nữa trong cơ chế thị trường, mọi hoạt động kinh tế - xã hội ở thành phố ngày càng sôi động, thành phố đang nhanh chóng mở rộng, mặt khác tốc độ đầu tư nước ngoài vào thành phố ngày càng tăng lên đang có sự tăng trưởng đột biến về nhu cầu liên lạc bằng điện thoại.

Do mật độ điện thoại ở nước ta quá thấp so với các nước trong vùng, tình hình kinh tế - xã hội của nước ta đang có những chuyển biến ngày càng tốt hơn, có cơ hội thuận lợi cho các ngành kinh tế - xã hội phát triển nhanh, thực hiện chính sách mở cửa, ngành bưu điện phải là một trong những ngành mũi nhọn, phải thực sự đi trước một bước, phải phát triển nhanh tương ứng với các nước trong vùng.

Hơn nữa, hiện nay mạng viễn thông và điện thoại lại phân bố không đều giữa các khu vực trên địa bàn thành phố nên việc mở rộng mạng lưới thông tin điện thoại là một nhiệm vụ có tính chiến lược đúng sẽ khó có thể đáp ứng được các đòi hỏi của cuộc sống; đặc biệt trong một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với nhiều biến động to lớn.

Yêu cầu phát triển mạng viễn thông ở Hà nội là phải làm được chức năng đầu cuối của mạng lưới quốc gia. Lượng thông tin bưu và điện tại Hà nội chiếm một tỷ trọng lớn trong lưu lượng toàn Ngành, nên việc mở rộng mạng viễn thông ở Hà nội sẽ làm tăng đáng kể lưu lượng toàn ngành. Mặt khác, Hà nội là một cửa đầu thông ra quốc tế. Mạng viễn thông quốc tế phát triển rất mạnh các loại hình dịch vụ bưu và điện, đòi hỏi các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt, nên mạng viễn thông thành phố Hà nội phải được đầu tư để đổi mới kỹ thuật, đi thẳng vào hiện đại theo hướng số hóa (IDN), tiến tới đa dịch vụ (ISDN) để hoà nhập được với mạng viễn thông quốc tế.

## Chương II MẠNG LƯỚI THÔNG TIN ĐIỆN THOẠI HÀ NỘI GIAI ĐOẠN VỪA QUA VÀ XU THẾ BIẾN ĐỘNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI (1995 -2010)

*Luận án đi sâu phân tích 3 nội dung :*

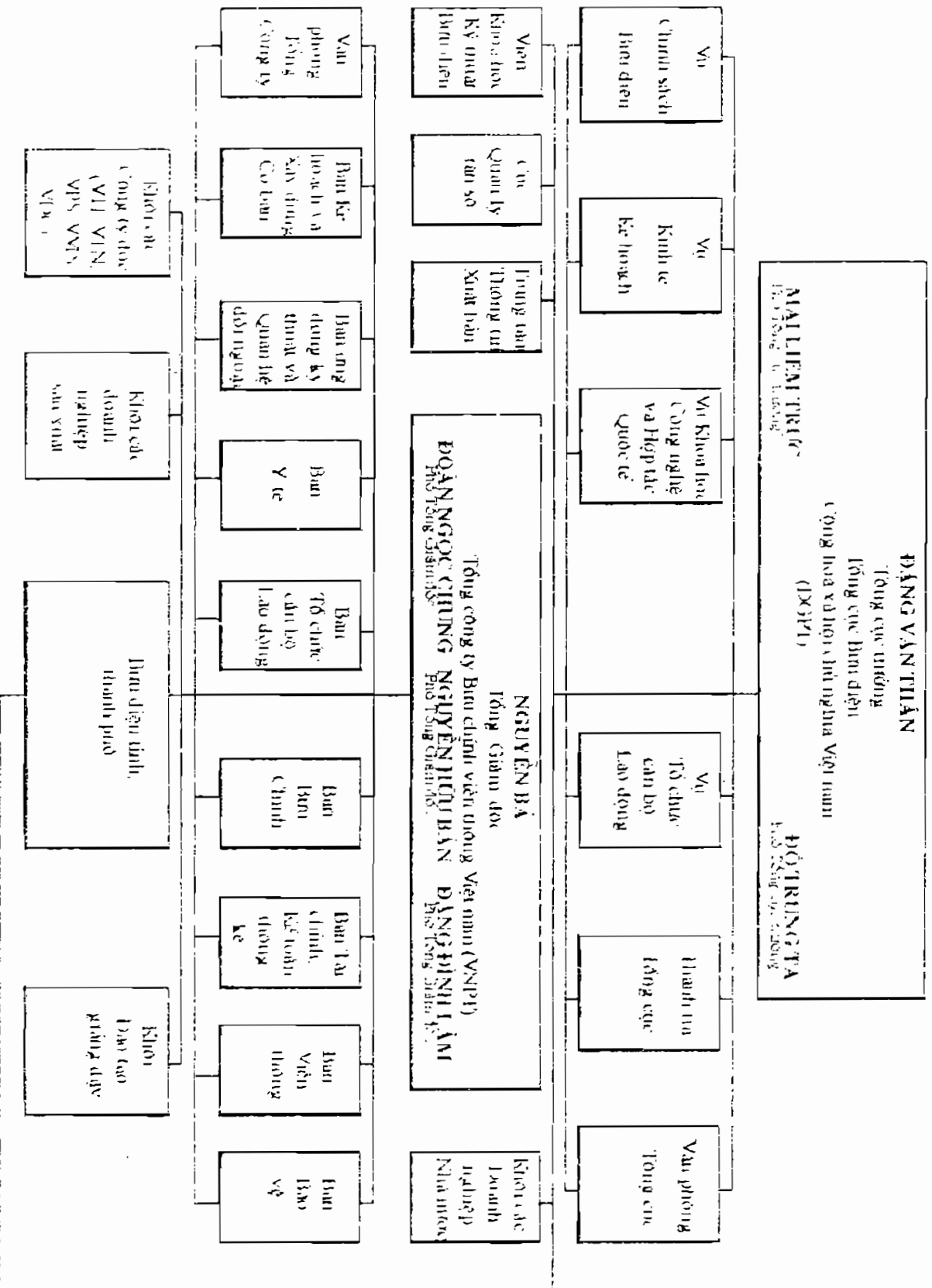
### I. Thực trạng mạng lưới thông tin điện thoại của cả nước và Hà nội

1) *Hệ thống tổ chức của Tổng cục Bưu điện* : Cùng với sự phát triển của đất nước, ngành Bưu chính viễn thông đã phát triển qua nhiều bước và ngày nay đã trở thành một Tổng cục làm chức năng quản lý Nhà nước của Ngành với tổng số lao động chiếm 0,13% lao động của cả nước và một hệ thống phân cấp chặt chẽ từ trên xuống dưới; thực hiện phục vụ cho sản xuất, quản lý kinh tế xã hội trên hai lĩnh vực bưu chính và viễn thông (thông tin điện), trong đó 83% sản lượng của Ngành là phân thông tin điện thoại trong nước và quốc tế.

Mạng lưới BCVT được triển khai khắp trên 53 tỉnh, thành phố của cả nước (bao gồm khối dân sự và khối quốc phòng) được liên kết chặt chẽ giữa trong và ngoài nước.

Ngoài phân phục vụ cho quốc phòng, an ninh và 20 Bộ khác (chiếm khoảng 40%), mạng lưới BCVT do Tổng cục Bưu điện trực thuộc Chính phủ thực hiện.

# SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TỔNG CỤC BƯT ĐIỆN



Trong cơ chế quản lý cũ, thông tin BCVT là công cụ phục vụ sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đồng thời thuộc kết cấu hạ tầng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giữ gìn an ninh quốc phòng và phục vụ đời sống nhân dân. Phần dịch vụ của BCVT chủ yếu do Tổng công ty Bưu chính viễn thông thực hiện và được tiến hành hạch toán toàn Ngành.

Theo quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội VI và nhất là từ những năm 1989 đến nay, Ngành BCVT đã chuyển đổi mạnh theo hướng tiếp cận thị trường. Nó không chỉ là công cụ phục vụ sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, phục vụ đời sống nhân dân, mà nó còn phải trực tiếp tham gia kinh doanh có lãi.

Ngành Bưu điện đã có những bước phát triển vượt bậc mọi lĩnh vực hoạt động :

- 1) Mạng điện thoại nội hạt
- 2) Mạng điện thoại đường dài
- 3) Mạng điện báo
- 4) Mạng truyền dẫn (cáp quang, viba số, vệ tinh, vô tuyến sóng ngắn...)
- 5) Mạng phát thanh phát hình
- 6) Mạng bưu chính và phát hành bưu chính

Trên cơ sở đó luận án trình bày chi tiết thực trạng của mạng lưới thông tin điện thoại của nước ta

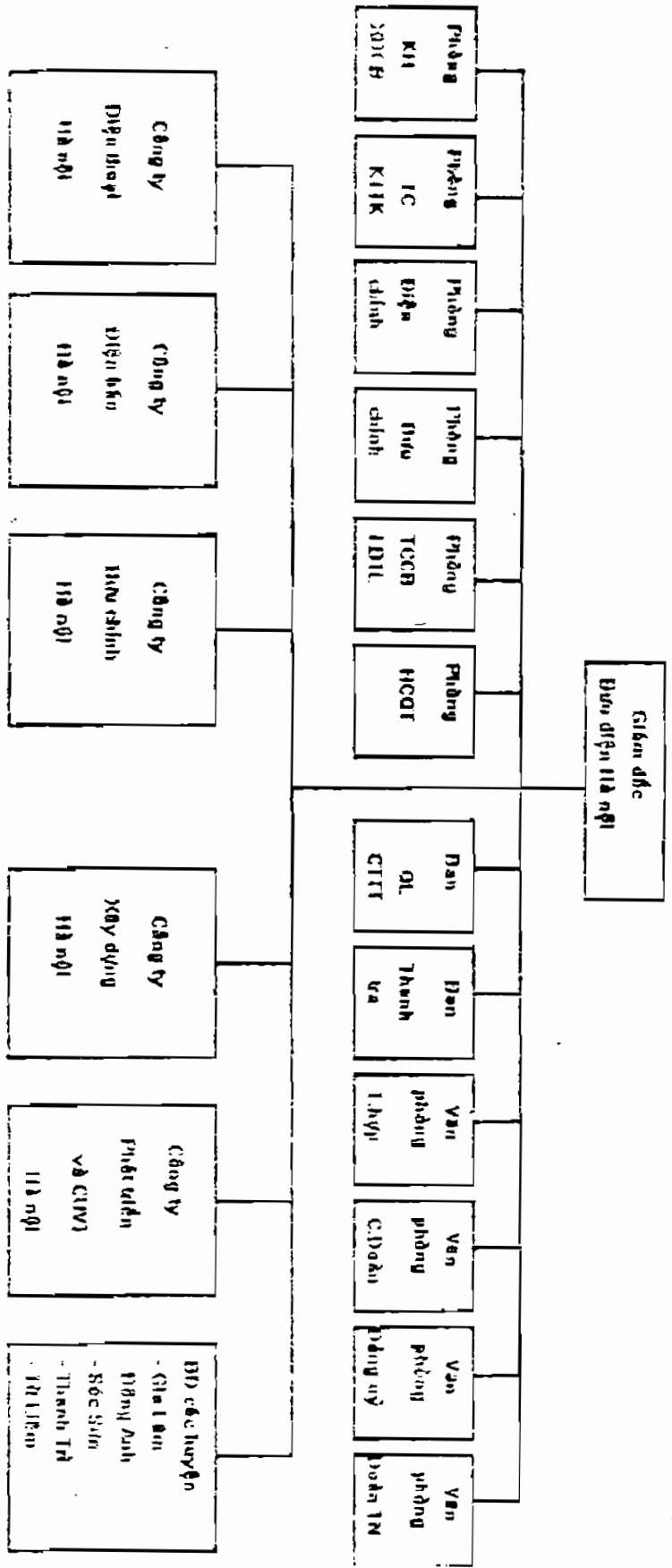
## *2. Bưu điện thành phố Hà nội*

Mạng lưới BCVT của Hà nội với gần 3000 lao động trực tiếp quản lý và khai thác gồm :

a- Mạng điện thoại nội hạt trong 4 Quận nội thành bao gồm cả huyện Từ Liêm và một phần huyện Gia Lâm

b- Mạng điện thoại nội huyện (nội thị và từ huyện xuống xã)

# SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BƯU ĐIỆN HÀ NỘI



Nguồn : TCCB-LDTL, Bưu điện Hà Nội

c- Mạng truyền dẫn điện thoại nội tỉnh, nối từ trung tâm thành phố đến các huyện.

d- Mạng điện báo Hà nội

e- Mạng thông tin bưu chính và PHBC nội tỉnh

g- Mạng thông tin chống bão lụt ở Thủ đô (ngoài ra trên địa bàn Hà nội còn có các công ty được phân công quản lý và khai thác các nghiệp vụ bưu chính viễn thông liên tỉnh và quốc tế như VTI, VTN, VPS, VMS, Cục bưu điện Trung ương, Công ty điện toán và truyền số liệu vv)

Tiếp đó luận án dành 20 trang để trình bày chi tiết thực trạng mạng lưới thông tin điện thoại Hà nội với những thành tựu cũng như các tồn tại trong giai đoạn vừa qua.

## **II. Nhu cầu phát triển BCVT nói chung, mạng lưới thông tin điện thoại nói riêng của Hà nội giai đoạn 1995 - 2010**

### *Luận án tập trung nghiên cứu 3 nội dung*

*1- Căn cứ và kỹ thuật + dự báo nhu cầu* : Luận án chọn phương pháp dự báo kết hợp các yếu tố báo động : Quy hoạch phát triển thủ đô đã được Nhà nước thông qua, tốc độ phát triển dân số, mức tăng thu nhập quốc dân và quan hệ tỷ lệ nhu cầu dịch vụ BCVT trên mức phát triển kinh tế của cư dân Thủ đô để dự báo; và đối chiếu một số cách dự báo khác nhau để đưa ra kết quả dự báo chung (bằng hàm logistic, hàm mũ và hàm tuyến tính).

### *2- Nhu cầu phát triển dịch vụ BCVT Hà nội 1995 - 2010*

Luận án đưa ra các kết quả dự báo với căn cứ ở trên và thu được kết quả dự báo gần sát với dự báo trong đề án của Ban chỉ đạo tăng tốc của Tổng cục Bưu điện:

**BẢNG 4 - DỰ BÁO**  
**NHỮNG CHỈ TIÊU CƠ BẢN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THÔNG TIN BƯU ĐIỆN ĐẾN 1995 - 2000 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Địa tích : 922,8 Km<sup>2</sup>  
 Diện tích : 2.127,888 ng  
 Số huyện : 5  
 Số xã, phường : 128

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	1993	Kế hoạch	1994	Kế hoạch	1995	Kế hoạch	2000
1	Mật độ điện thoại	%		1,8		2,8		4,4		1,4
2	Số máy điện thoại	1000 cái	45	40	80	70	120	120	365	350
3	Số lượng DT di động liên tỉnh	Triệu phút		31.64		60		96		350
4	Số lượng DT di động nội tỉnh	Triệu phút								
5	Sản lượng điện thoại quốc tế	Ngìn phút		4.500		9.400	15.000	18.800		55.000
6	Số tổng đài cơ quan PABX	Tổng đài		240		312		390		450
7	Số máy lẻ PABX	Máy		5.850		7.800		10.000		12.000
8	Số huyện thi tư động D. dài	H/số huyện		3/5		5/5		5/5		5/5
9	Số xã có DT	Xã/số máy		41/128		128/128		128/128		128/128
10	Số máy FAX công cộng	Máy		32						
11	Số máy FAX thuê bao	Máy		1.630		3.100		4.000		15.000
12	Số điểm DTCC (dài ly+gửi số)	Điểm		270		300		300		400
13	Số máy DTCC dùng thẻ	Máy		130		300		600		800
14	Số thuê bao nhân tin	Thuê bao				1.000		15.000		
15	Số thuê bao TSL	Thuê bao		2		20		50		
16	Số thuê bao di động	Thuê bao		240		1.000		3.000		10.000
17	Số đầu cuối thông tin biên	Cải								
18	Tổng số bưu cục I, II, III	B/C		106		123		140		192
19	Bưu phẩm đi trong nước	Triệu cái		0,12		0,12		0,12		0,12
20	Bưu phẩm đi trong ngoài	Ngìn cái		36		8		8		8
21	Số báo phát hành (tổng số)	Triệu tờ		16,14		18,31		19,02		20,02
22	Số bưu phẩm EMS, DHL	Cải		52.300		56.800		62.000		93.000
23	Điện và thư chuyên tiễn	Ngìn cái		17,5		23		31		50
24	Doanh số chuyên tiễn	Triệu đồng		390		510		710		1.145
25	Bưu kiện trong nước	Cải		6.280		7.000		7.000		7.000
26	Bưu kiện ngoài nước	Cải		720		800		800		800
27	Doanh thu	Ty. đồng	170	162	320	290	550	550	2.500	2.500
28	Tổng chi	Ty. đồng		94,2		161,73		310		1.600
29	Khấu hao	Ty. đồng		41		82,6		187,6		
30	Vốn đầu tư	Ty. đồng		281,11		300,29		201,91		1.572
31	Tài sản cố định	Ty. đồng		205		413		1.438		
32	Số lao động	Người		2.890		3.150		3.300		3.500

Nguồn : Trung tâm Ban chỉ đạo tăng tốc - TCBD



3- Các trở ngại khó khăn phải khắc phục, luận án tập trung phân tích các khó khăn về vốn về trang thiết bị, về địa điểm cơ bản bưu điện Hà Nội đòi hỏi phải tìm ra các giải pháp khắc phục.

### III. Cơ chế quản lý các hoạt động BCVT trong thời kỳ đổi mới

1- *Cơ chế quản lý các hoạt động BCVT* : Luận án nêu rõ khái niệm và nội dung của cơ chế quản lý các hoạt động của Ngành BCVT. Đó là cơ sở để xác định cơ chế quản lý của Bưu điện thành phố cần phải nhận thức và nắm thù.

2- *Quan điểm đổi mới của Đảng ta* : Các quan điểm đổi mới đã được đề ra ở Đại hội VI và VII mà Ngành Bưu điện phải quán triệt và thực hiện, đó là :

- Nền kinh tế phải được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN,

- Khoa học và công nghệ là một trong những động lực to lớn của sự phát triển

- Phải chủ động, tích cực mở rộng hoạt động đối ngoại

- Vừa phát triển kinh tế, vừa bảo đảm an ninh xã hội và bảo vệ Tổ quốc XHCN, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

3- *Hiệu quả và hiệu quả kinh tế* : Luận án trình bày bằng chi tiết khái niệm hiệu quả và hiệu quả kinh tế nói chung cần được vận dụng cho việc tính toán đối với ngành Bưu điện. Một mặt phải tính hiệu quả trực tiếp của Ngành, mặt khác phải tính đến hiệu quả gián tiếp đối với các ngành khác và xã hội khi sử dụng các sản phẩm của ngành Bưu điện.

**Chương III**  
**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH**  
**VIỆC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THÔNG TIN ĐIỆN THOẠI**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Luận án đề cập đến 3 vấn đề :*

**I. Cơ chế quản lý các hoạt động mạng lưới thông tin điện thoại theo hướng tiếp cận thị trường :**

*1- Thị trường và hướng tiếp cận thị trường ở nước ta :* Những điểm yếu cầu của thị trường, các quy luật chi phối tất yếu của thị trường và đặc điểm có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với thị trường ở nước ta là căn cứ để hình thành cơ chế quản lý của Bưu điện thành phố trong giai đoạn tới.

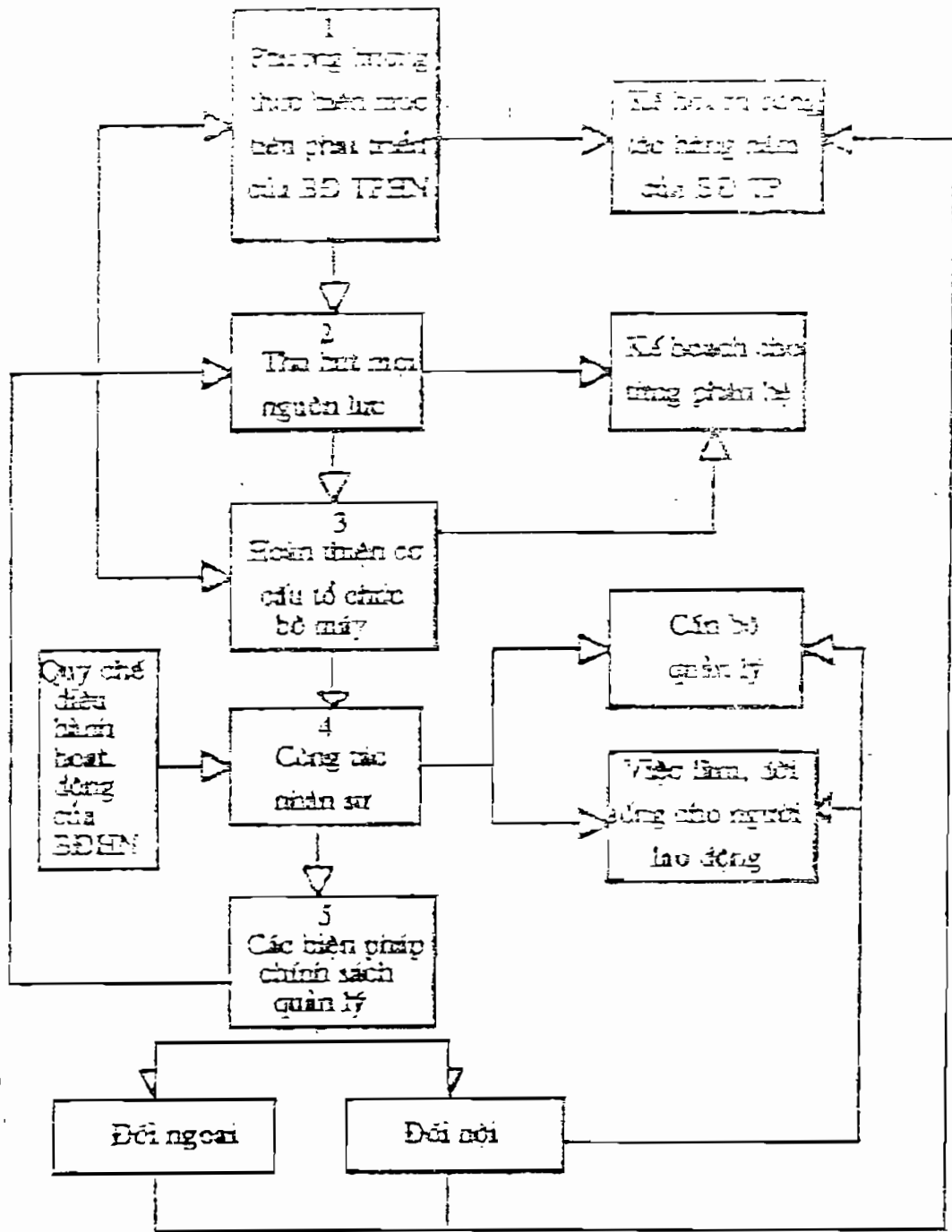
*2- Cơ chế quản lý các hoạt động BCVT Hà nội theo hướng tiếp cận thị trường .* Luận án nêu rõ khái niệm cơ chế quản lý các hoạt động BCVT là phương thức điều hành có kế hoạch các hoạt động của Bưu điện trên cơ sở vận dụng những quy luật khách quan có liên quan đến sự phát triển của Bưu điện thành phố bao gồm tổng thể các phương pháp, các hình thức, các thủ thuật để thực hiện yêu cầu của các quy luật khách quan ấy. Cơ chế quản lý của Bưu điện thành phố bao gồm 5 nội dung lớn được trình bày ở sơ đồ sau :

**II. Hoàn thiện các chính sách quản lý**

*1- Chính sách thu hút vốn :* Vốn là một vấn đề vừa bức xúc vừa khó khăn đối với Bưu điện Hà nội là một ngành kinh tế có đặc thù tiếp nhận công nghệ hiện đại nhanh nhất so với các ngành kinh tế kỹ thuật khác, Bưu điện Hà nội cần vận dụng mọi nguồn vốn có thể khai thác để đưa vào phát triển sự nghiệp của Ngành trong giai đoạn tới. Các nguồn chủ yếu là :

- Mở rộng liên doanh, liên kết với nước ngoài để thu hút vốn đầu tư đẩy mạnh việc sản xuất công nghệ bưu điện và ưu tiên xây dựng các công trình Bưu chính viễn thông (còn phân khai thác phải do ngành độc quyền nắm giữ)

SO ĐỒ 4 : CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Nguồn : Ban chỉ đạo tăng tốc BĐHN

- Đẩy mạnh việc phát triển các công ty cổ phần, các tập đoàn kinh doanh bưu chính viễn thông có sự chỉ đạo và chi phối của Nhà nước; thông qua việc sớm hình thành các thị trường chứng khoán trong nước để thu hút số vốn nhàn rỗi trong dân, trong các xí nghiệp, ngành nghề địa phương vv mà hiện ta chưa khai thác được mấy

- Khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh trong nội bộ ngành Bưu điện để chống lại sự cạnh tranh từ bên ngoài vào. Ngành Bưu điện phải đổi mới thường xuyên cách phục vụ của mình. Tất nhiên cần có sự phân cấp, phân khu vực rõ ràng, tránh sự cạnh tranh hỗn loạn gây bất lợi cho xã hội và nhân dân .

2- *Đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ của Bưu điện Hà nội*, đây là hướng sử lý vốn cơ bản nhất, nhằm lấy thu bù chi lấy khách hàng làm xuất phát điểm của hoạt động kinh doanh trong ngành theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Rõ ràng khách hàng bỏ tiền ra mua dịch vụ bưu chính viễn thông thì họ phải tính đến hiệu quả thu lãi, nếu ngành Bưu điện phục vụ tốt, đem lại hiệu quả, may mắn , tiện lợi, thoả mãn cho khách thì khách hàng mới tìm đến Bưu điện. Để làm tốt việc này, luận án khuyến nghị cần tập trung và 4 hướng lớn :

- Thứ nhất , phải nhanh chóng đưa ngành Bưu điện lên hiện đại hoá nhập với khu vực và thế giới

- Thứ Hai . Phải soát xét lại hệ thống giá cước thuê bao, thủ tục phục vụ như cầu tiêu dùng dịch vụ BCVT của khách

- Thứ Ba . Phải liên kết với các Ngành dịch vụ khác theo hướng đa dạng hoá sản phẩm và đa phương hóa hình thức phục vụ .

- Thứ Tư : Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất để thay thế các phần nhập ngoại có thể làm được nhằm giảm ngoại tệ nhập và tạo thêm việc làm trong nước

3- Hoà nhập mạng viễn thông và quốc tế, để tranh thủ tiếp thu công nghệ mới, giảm bớt khó khăn về vốn và trình độ cán bộ

### III Các kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý để phát triển mạng lưới thông tin điện thoại Hà nội

#### 1- Những kiến nghị với Nhà nước

- Nhà nước cần ưu tiên tăng vốn đầu tư cho Bưu điện thành phố đặc biệt là tiền vay vốn nước ngoài theo Nghị định của Chính phủ và các tổ chức quốc tế với lãi suất thấp và được trả chậm

- Giảm và tạm hoãn các khoản nộp ngân sách trong thời hạn 5 năm (coi như ngân sách cấp)

- Cho phép Bưu điện Hà nội được dùng nhiều hình thức huy động vốn vay thích hợp

- Cho Bưu điện Hà nội được áp dụng hình thức góp vốn ứng trước của khách hàng và áp dụng hình thức cổ phần hoá doanh nghiệp để giảm bớt khó khăn về vốn

- Về cơ chế quản lý phía Nhà nước chỉ nên định chính sách khung giá còn mức cụ thể giao cho Ngành thực hiện

- Sớm ban hành luật bưu chính viễn thông của đất nước.

- Có chính sách bù lỗ 5 - 10 năm cho các vùng nghèo, nông thôn, miền núi để đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa các vùng.

2- Về phân cấp quản lý cần phân định rõ ràng tách bạch giữa hai chức năng quản lý Nhà nước và Bưu chính viễn thông, và chức năng dịch vụ kinh doanh của các cơ sở, công ty. Phân định chức năng giữa Ủy ban nhân dân thành phố với Tổng cục Bưu điện, Tổng công ty Bưu chính viễn thông và Bưu điện Hà nội.

3- *Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ*

Nền kinh tế thị trường đòi hỏi các cán bộ quản lý phải có các kiến thức về nó, có liên quan mật thiết đến quá trình hoạt động thực tế trên thương trường của họ. Bởi vậy cần có nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng để nhanh chóng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ đáp ứng kịp thời nhu cầu đòi hỏi.

4- *Thi đua nâng cao không ngừng chất lượng Bưu chính viễn thông, thực hiện khẩu hiệu là Bưu điện nuôi Bưu điện*

5- *Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động trong ngành, kiên quyết xoá bỏ bao cấp, xoá bỏ chế độ bình quân chủ nghĩa, xoá bỏ móc ngoặc thân quen vô nguyên tắc; triệt tiêu động lực của người lao động. Phải làm tốt việc tiêu chuẩn cán bộ trong ngành; đẩy mạnh việc đãi ngộ cao cho cán bộ giỏi, loại bỏ người xấu ra khỏi guồng máy*

6- *Có chế độ phân bổ doanh thu hợp lý, giữa các công ty, cơ sở trong guồng máy phục vụ chung của Bưu điện thành phố*

## KẾT LUẬN

Mở rộng mạng viễn thông nói chung, mạng lưới thông tin điện thoại nói riêng là một trong những nhiệm vụ vừa bức bách vừa nặng nề mà Bưu điện Hà nội phải đảm nhiệm trước thành phố và đất nước; nó chính là khâu then chốt để đưa thành phố và đất nước tiến lên hoà nhập được với khu vực và quốc tế.

*1- Luận án đã thực hiện được các công việc sau :* Luận án đã vận dụng quan điểm đổi mới của Đảng, công cụ của lý thuyết hệ thống, kinh nghiệm của các nước để phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của sự phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông nói chung, thông tin điện thoại nói riêng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của thành phố và đất nước.

*2- Luận án đã góp phần giải quyết các vấn đề sau :*

- Đã phân tích thực trạng của ngành BCVT Hà nội trong giai đoạn vừa qua và các đòi hỏi phải có trong giai đoạn tới (1995 - 2010)

- Đề xuất mô hình tổ chức và cơ chế quản lý mạng lưới BCVT Hà nội theo cơ chế thị trường

*3- Những đóng góp chính của luận án :*

- Đã hệ thống hoá và phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn vai trò mạng lưới BCVT của các nước trong sự phát triển kinh tế xã hội của mình

- Đưa ra các dự báo có căn cứ khoa học về nhu cầu phát triển mạng lưới BCVT của Thủ đô trong giai đoạn 1995 - 2010

- Đưa ra các kiến nghị về tổ chức, mô hình, chính sách nhằm thực hiện thành công các nhu cầu bảo đảm cung cấp dịch vụ BCVT cho Thủ đô trong giai đoạn tới (bao gồm các yêu cầu phải đáp ứng của nền kinh tế thị trường, các nguồn vốn, các giải pháp về đào tạo cán bộ, về mở rộng quan hệ đối ngoại).

- Các đề xuất của tác giả là có căn cứ khoa học và có tính khả thi, vì tác giả đã có điều kiện hoạt động trong ngành BCVT nhiều năm và đã đưa một số đề xuất vận dụng vào đơn vị công tác của mình.

- Tác giả cho rằng đây là một đề tài bổ ích nhưng rất khó, vì điều kiện thời gian và khuôn khổ có hạn của luận án. Tác giả mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp bổ ích để luận án có điều kiện hoàn thiện hơn./.



NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN  
TỚI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

**1- Nguyễn Xuân Quang**

Đổi mới cơ chế, đẩy mạnh mạng lưới thông tin điện thoại thành phố Hà nội theo hướng tiếp cận thị trường.

Tạp chí KTKH số 7 /1993

**2- Nguyễn Xuân Quang**

Thông tin kinh tế xã hội xét theo quan điểm hệ thống

Giao thông vận tải số 2/1994

**3- Nguyễn Xuân Quang**

Cơ chế điều hành của một công ty Bưu điện

TTKHCLLD&XH 3/1994

**4- Nguyễn Xuân Quang**

Hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp

TTKHCLLD&XH 2/1994

**5- Nguyễn Xuân Quang**

Đưa tin học vào sản xuất kinh doanh ngành Bưu điện

TTKHCLLD&XH 4/1994

**6- Nguyễn Xuân Quang**

Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống thông tin phục vụ kinh tế xã hội

TTKHCLLD&XH 5/1994

**7- Nguyễn Xuân Quang**

Chiến lược thông tin trong cơ chế thị trường hiện nay

TTKTKH số 5/1994

**8- Nguyễn Xuân Quang**

Bưu điện Hà nội với chiến lược tăng tốc

TTKTKH số 3/1994

**9- Nguyễn Xuân Quang**

Hướng dẫn sử dụng máy điện thoại ấn phẩm

Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà nội - 1994